TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/10/2019
V/v : *"Ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh;
2. Ông Đào Xuân Tìm.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành - tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12/9/2019 về việc ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXX-ST ngày 09/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Quê quán, nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn D từ tháng 10/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Do vợ chồng chung sống không hòa thuận, hạnh phúc, thường sảy ra mâu thuẫn, xích mích do nợ nần. Chị đã về quê sinh sống 6 tháng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/9/2017. Hiện nay cháu D đang ở cùng anh D do chị muốn cháu D

nhưng anh D ngăn cản. Sau ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi cháu D và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 5,5 triệu đồng/tháng, làm tăng ca khoảng 9 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng chị không vay nợ gì của ai và cũng không cho ai vay nợ gì.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh D tình bầy:

Anh kết hôn với chị T từ tháng 10/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do vợ chồng chung sống không hòa thuận, thường sảy ra mâu thuẫn và chị T có thái độ sống không trung thực, lừa dối gia đình và chồng nhiều lần, không minh bạch trong kinh tế. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/9/2017. Sau ly hôn, anh xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu D và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm công nhân công ty, thu nhập bình quân khoảng 9-10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị T xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh D; chị xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/9/2017, chị xin được trực tiếp nuôi cháu D và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Anh D đồng ý ly hôn chị T; anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung; anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

- Điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị T được ly hôn anh D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/9/2017 cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng thường sảy ra xung đột, bất hòa. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Nay chị T xin được ly hôn anh D: Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải, anh D đều xác định vợ chồng bất hòa, sống không hạnh phúc, anh nhất trí ly hôn chị T, do đó áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh D có một con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/9/2017. Chị T và anh D đều xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu D. Xét điều kiện của cả chị T và anh D là như nhau, tuy nhiên do cháu D dưới 36 tháng tuổi, chị T muốn đón cháu D nhưng anh D ngăn cản. Xét nên giao cháu D cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của cả anh D và chị T cũng như bảo đảm việc chăm sóc và thực hiện đầy đủ được quyền lợi mọi mặt của cháu D là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh D đều không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51, Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1/ Về quan hệ vợ chồng:

Xử cho chị Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2/ Về con chung: Chị T và anh D có một con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/9/2017. Giao cháu Nguyễn Thùy D cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2019.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2017/0004084, ngày 12/9/2019.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T và anh D. Báo cho chị T và anh D biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã Tam Kỳ, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung